| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN SÔNG MÃ**<br>**TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 7 - 2021
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nhung.
*Các hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Lường Thị Khuyển.
2. Ông Lò Văn Viễn.

***- Thư ký phiên tòa:***
Ông Hà Văn Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa***:
Ông Sộng Nỏ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 86/2021/TLST – HNGĐ, ngày 04/3/2021 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXX - DS ngày 02/7/2021 giữa các đương sự:

***1.*** *Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị P, sinh năm 1988. Nơi ĐKHKTT: Bản C, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã L, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.*

***2.*** *Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1980. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30/11/2020 nguyên đơn chị Trịnh Thị P trình bày: Chị và anh Trần Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M vào năm 2007. Cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 10 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, cả hai đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại xảy ra mâu thuẫn, hơn một năm nay anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị thấy không còn tình cảm với anh B nữa, hôn

nhân không thể tiếp tục duy trì được nên có đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Trần Văn B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là Trần Thị K (sinh ngày 09/3/2008) và Trần Nhật D (sinh ngày 04/02/2014), nếu được ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Thị K, còn cháu Trần Nhật D sẽ do anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị chị và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị và anh B không có nợ chung, về tài sản chung anh chị đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Do chị hiện đang trú tại thôn D, xã L, huyện *Q*, tỉnh Bắc Ninh được xác định là vùng đang có dịch Covid 19, chị cũng thuộc diện đang phải đi cách ly nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết việc xin ly hôn được và đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Văn B trình bày: Anh và chị P kết hôn và phát sinh mâu thuẫn đúng như chị P đã trình bày, nay chị P có yêu cầu xin được ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh xác nhận anh chị có 02 con chung là là Trần Thị K (sinh ngày 09/3/2008) và Trần Nhật D (sinh ngày 04/02/2014), nếu ly hôn anh cũng có đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trần Nhật D, còn chị P sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị K, nhất trí với đề nghị của chị P là anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Anh và chị P không có nợ chung, về tài sản chung anh chị đã tự nguyện thỏa thuận phân chia xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với chị P là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị P, xử cho chị P được ly hôn anh Trần Văn B. Giao cho chị P được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Trần Thị K (sinh ngày 09/3/2008), giao cho anh Trần Văn B được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Trần Nhật D (sinh ngày 04/02/2014), chị P và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Chị P và anh B không có nợ chung, về tài sản chung anh chị đã tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã và bị đơn có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị P được Tòa án thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Sau khi chị P có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, chị P không thể có mặt tại phiên tòa được vì có lý do chính đáng và đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị P và anh Trần Văn B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M vào ngày 22/5/2007 là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình 2000 xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị P và anh B đã kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc và bất đồng quan điểm sống, từ cuối năm 2019 chị P và anh B đã sống ly thân đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị P ly hôn anh B là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị P và anh B đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Trần Thị K (sinh ngày 09/3/2008) và Trần Nhật D (sinh ngày 04/02/2014), chị P có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Trần Thị K, còn cháu Trần Nhật D sẽ do anh B trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp và trùng với nguyện vọng của cháu Chi và anh B.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị P và anh B đều khai nhận không có nợ chung và về tài sản chung anh chị đã tự nguyện thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Trịnh Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định chung.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, xin nuôi con chung của chị Trịnh Thị P đối với anh Trần Văn B .

- Xử cho chị Trịnh Thị P được ly hôn anh Trần Văn B.

- Giao con chung là Trần Thị K (sinh ngày 09/3/2008) cho chị Trịnh Thị P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung là Trần Nhật D (sinh ngày 04/02/2014) cho anh Trần Văn B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Trịnh Thị P và anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Chị P, anh B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được ngăn cản.

**2.** Về án phí: Chị Trịnh Thị P phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001583 ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã. Chị Trịnh Thị P đã nộp đủ án phí.

**3.** Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án, anh Trần Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/7/2021).

**Nơi nhận**:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã Nà Nghịu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Nhung**